

Số: /BC-STP

Đồng Tháp, ngày tháng 9 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp**

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 2904/STC-QLG.CS ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Sở Tài chính về việc đề nghị thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ). Qua nghiên cứu nội dung dự thảo Quyết định và ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định (kèm theo Biên bản), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

#### **1. Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định**

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục và giá quy ước tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

Tuy nhiên, ngày ngày 25 tháng 4 năm 2023 Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 23/2023/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (thay thế Thông tư số 45/2018/TT-BTC). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC, quy định:

*“c) Tài sản cố định đặc thù là những tài sản không xác định được chi phí hình thành hoặc không đánh giá được giá trị thực nhưng yêu cầu phải quản lý chặt chẽ về hiện vật (như: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm,*

*di tích lịch sử được xếp hạng, tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm...), tài sản cố định là thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập.*

*Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại điểm này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý.”*

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC, quy định: 2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

Thực hiện ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh tại Công văn số 2113/VPUBND-KT ngày 04 tháng 7 năm 2023 giao Sở Tài chính chủ trì xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định; Danh mục và giá quy ước tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Tháp.

## **2. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh**

Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Quyết định cơ bản phù hợp với Thông tư số 23/2023/TT-BTC. Tuy nhiên, tại Điều 2 dự thảo, quy định: *Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.*

Sở Tư pháp đề nghị điều chỉnh đoạn “các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp” tại Điều 2 dự thảo như sau: “các tổ chức được giao quản lý tài sản cố định và doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định” để đảm bảo quy định được cụ thể và thống nhất với Điều 1 và Điều 2 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

## **3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật**

Nội dung dự thảo cơ bản đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, Sở Tư pháp có ý kiến góp ý như sau:

- Tại tên Điều 3 và khoản 1 Điều 3 và Phụ lục 1 quy định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình. Tuy nhiên, theo khoản 2 Điều 13 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC không giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về thời gian sử dụng mà chỉ giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình. Do đó, đề nghị Sở Tài chính rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với Điều 13 của Thông tư số 23/2023/TT-BTC và điều chỉnh thể thức Phụ lục số 1 cho thống nhất với Mẫu số 01 Phụ lục 02 kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

- Đề nghị Sở Tài chính giải trình các cơ sở để xây dựng mức thời gian tính tỷ lệ hao mòn và tỷ lệ hao mòn tại Phụ lục số 1 kèm theo dự thảo Quyết định. Ngoài ra, tại Phụ lục 1 có quy định về tài sản cố định vô hình khác với thời gian tính tỷ lệ hao mòn là 5 năm, tỷ lệ hao mòn là 20%. Tuy nhiên, trong trường hợp không xác định được loại, nhóm tài sản cụ thể thì không có cơ sở để xác định thời gian tính tỷ lệ hao mòn và tỷ lệ hao mòn của tài sản cố định vô hình. Do đó, đề nghị không quy định tài sản cố định vô hình khác tại Phụ lục số 1 kèm theo dự thảo Quyết định.

- Phụ lục 2 quy định về danh mục tài sản cố định đặc thù đối với loại tài sản là cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, khu di tích được phân thành các nhóm cổ vật, hiện vật bằng các chất liệu khác nhau. Tuy nhiên, đề nghị quy định thành các tài sản cụ thể từ số thứ tự số 1 đến số 12 cho phù hợp với Mẫu số 02 Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC và Điều 8 của Luật Ban hành VBQPPL năm 2015.

#### **4. Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật soạn thảo**

Ngôn ngữ, thể thức và kỹ thuật trình bày cơ bản phù hợp với Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ).

Tuy nhiên, tại phần Nơi nhận Quyết định có nêu Bộ Tài chính. Theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi bởi Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP): “*Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành gửi đến Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp và tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền kiểm tra văn bản theo ngành, lĩnh vực*”. Do vậy, đề nghị Sở Tài chính xác định và ghi cụ thể tổ chức pháp chế thuộc Bộ Tài chính có thẩm quyền kiểm tra Quyết định này.

#### **5. Điều kiện trình dự thảo Quyết định**

Các nội dung của dự thảo Quyết định cơ bản phù hợp với Thông tư số 23/2023/TT-BTC. Tuy nhiên, đề nghị Sở Tài chính hoàn chỉnh nội dung dự thảo Quyết định theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo này, sau khi hoàn chỉnh dự thảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định.

Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Lưu: VT, XD&KTVBQPPL (TL).

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Phong**